

Số: /BC-VHXXH

Thái Nguyên, ngày tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO

Thẩm tra và kết quả công tác năm 2025
của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên
(Trình tại Kỳ họp thứ chín (Kỳ họp thường lệ cuối năm 2025),
Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV)

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025; Chương trình công tác năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh; phân công của Thường trực HĐND tỉnh về thẩm tra các báo cáo, tờ trình và dự thảo Nghị quyết trình tại Kỳ họp thứ chín (Kỳ họp thường lệ cuối năm 2025), HĐND tỉnh Khóa XIV, Ban Văn hóa - Xã hội báo cáo kết quả công tác năm 2025 và thẩm tra các nội dung trình tại Kỳ họp thứ chín (Kỳ họp thường lệ cuối năm 2025), HĐND tỉnh Khóa XIV như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC NĂM 2025

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Thường trực HĐND tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ của các Ban HĐND tỉnh, sự tích cực tham gia hoạt động của các thành viên, Ban Văn hóa - Xã hội đã xây dựng và triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch công tác năm 2025 đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

1. Công tác giám sát, khảo sát

Thực hiện tốt công tác giám sát thường xuyên đối với việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của HĐND tỉnh trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thông tin, thể dục, thể thao và chính sách tôn giáo. Trong năm 2025, Ban đã tổ chức thực hiện giám sát chuyên đề về công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể và di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh và 04 cuộc khảo sát chuyên đề. Bên cạnh đó, để phục vụ cho công tác thẩm tra các báo cáo, tờ trình theo phân công, Ban đã tiến hành khảo sát tại các đơn vị, địa phương. Kết thúc hoạt động giám sát, Ban đã ban hành báo cáo kết quả, trong đó đề nghị các cơ quan chịu sự giám sát thực hiện các kiến nghị, đề nghị và có giải pháp khắc phục kịp thời, góp phần đảm bảo việc thực hiện pháp luật tại địa phương.

Thực hiện phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh đã chủ trì, phối hợp với các Ban HĐND tỉnh nghiên cứu, tham mưu để Thường trực HĐND tỉnh xây dựng và triển khai thực hiện 02 cuộc giám sát kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri và kết quả thực hiện nghị quyết,

kết luận, kiến nghị giám sát của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh¹. Đồng thời, tham mưu xây dựng báo cáo, tờ trình và dự thảo Nghị quyết về kết quả giám sát để Thường trực HĐND tỉnh trình HĐND tỉnh tại kỳ họp theo quy định.

Ngoài ra, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban chủ trì tham mưu tổ chức Hội nghị giám sát đối với UBND tỉnh về việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới trước và sau Kỳ họp thứ ba (HĐND tỉnh Thái Nguyên), Kỳ họp thứ ba mươi (HĐND tỉnh Bắc Kạn); các ý kiến, kiến nghị tại Nghị quyết số 280/NQ-HĐND ngày 27/6/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo số 124/BC-HĐND ngày 21/6/2025 của Thường trực HĐND tỉnh Bắc Kạn; kết quả thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh. Trên cơ sở kết quả giám sát, UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tiếp thu, giải trình cụ thể các nội dung mà đại biểu quan tâm, trong đó xác định rõ trách nhiệm, phương án, lộ trình giải quyết trong thời gian tới.

2. Công tác thẩm tra

Để chuẩn bị nội dung các kỳ họp của HĐND tỉnh trong năm 2025, thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Văn hóa - Xã hội đã chủ trì thẩm tra 34 nội dung (trong đó có 22 nghị quyết quy phạm pháp luật); phối hợp với các Ban HĐND tỉnh thẩm tra 75 nội dung. Trong thời gian giữa các kỳ họp của HĐND tỉnh, Ban chủ trì và phối hợp thẩm tra 23 nội dung để tham mưu cho Thường trực HĐND tỉnh trả lời UBND tỉnh theo quy định. Báo cáo thẩm tra đã thể hiện quan điểm của Ban, đồng thời cung cấp thông tin để các đại biểu HĐND tỉnh có căn cứ thảo luận, xem xét và thông qua các Nghị quyết, bảo đảm đúng chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh. Nhiều nội dung kiến nghị trong báo cáo thẩm tra đã được UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn tham mưu tiếp thu để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định.

Thực hiện phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Văn hóa - Xã hội đã chủ trì tham mưu xây dựng Tờ trình, dự thảo Nghị quyết ban hành Nội quy Kỳ họp HĐND tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026 trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định tại Kỳ họp thứ ba; Tờ trình, dự thảo Nghị quyết ban hành Quy chế làm việc của Thường trực HĐND tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026 trình tại Phiên họp thứ sáu của Thường trực HĐND tỉnh. Nội quy và Quy chế ban hành nhằm đảm bảo sự thống nhất trong việc thực hiện

¹ (1) Giám sát kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới trước và sau Kỳ họp thứ hai mươi ba; các ý kiến, kiến nghị tại Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh; kết quả thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh và các Ban của HĐND tỉnh.

(2) Giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới trước và sau Kỳ họp thứ ba (HĐND tỉnh Thái Nguyên), Kỳ họp thứ ba mươi (HĐND tỉnh Bắc Kạn); các ý kiến, kiến nghị tại Nghị quyết số 280/NQ-HĐND ngày 27/6/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo số 124/BC-HĐND ngày 21/6/2025 của Thường trực HĐND tỉnh Bắc Kạn; kết quả thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị giám sát của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh.

nhiệm vụ, quyền hạn của các đại biểu HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh, các đại biểu mời dự kỳ họp, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Các hoạt động khác

Ban đã tích cực phối hợp thực hiện tốt các nhiệm vụ khác theo phân công của Thường trực HĐND tỉnh và theo chức năng, nhiệm vụ của Ban như: Tham gia tiếp công dân theo phân công của Thường trực HĐND tỉnh; nghiên cứu, tham gia ý kiến đối với các dự thảo Luật, văn bản của Trung ương; chuẩn bị nội dung và tham dự các phiên họp, hội nghị do Đảng ủy HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh tổ chức; tham dự đầy đủ các hội nghị tiếp xúc cử tri trước, sau các kỳ họp Quốc hội và HĐND tỉnh; thực hiện tốt các phong trào thi đua yêu nước năm 2025 theo quy định; tham gia các cuộc họp do các sở, ngành, đơn vị tổ chức để phối hợp trao đổi một số nội dung có liên quan đến các nội dung trình tại kỳ họp HĐND và các nhiệm vụ công tác khác theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh.

II. KẾT QUẢ THẨM TRA CÁC NỘI DUNG TRÌNH TẠI KỲ HỌP

Tại Kỳ họp thứ chín (Kỳ họp thường lệ giữa năm 2025), HĐND tỉnh Khóa XIV, Ban Văn hóa - Xã hội được phân công chủ trì thẩm tra 09 nội dung và phối hợp thẩm tra 17 nội dung báo cáo, tờ trình, dự thảo Nghị quyết. Ban báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

1. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2026 (lĩnh vực văn hóa - xã hội)

1.1 Về nội dung Báo cáo

Ban Văn hóa - Xã hội cơ bản nhất trí với Báo cáo của UBND tỉnh và thống nhất nhận định: Trong bối cảnh tình hình thế giới, đất nước có nhiều diễn biến phức tạp, Ủy ban nhân dân tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương tập trung triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra, tỉnh Thái Nguyên đã vượt qua khó khăn, thách thức và đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Trong đó, 13/13 chỉ tiêu thành phần lĩnh vực văn hóa - xã hội đạt và vượt kế hoạch năm đề ra².

Công tác giảm nghèo, an sinh xã hội của tỉnh tiếp tục được triển khai đồng bộ, bám sát các chương trình, đề án đã được phê duyệt. Chính sách đối với người có công với cách mạng được quan tâm, thực hiện kịp thời, đầy đủ đối với 154.144

² Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 79,94% (vượt kế hoạch là 79,93%), Tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số được học tại các trường dân tộc nội trú đạt 7,45% (đạt kế hoạch), Tỷ lệ gia đình văn hóa đạt trên 90% (đạt kế hoạch), Tỷ lệ làng, xóm, tổ dân phố văn hóa đạt trên 90% (đạt kế hoạch), Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa đạt trên 92% (đạt kế hoạch), Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế đạt 100% (đạt kế hoạch), Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% (đạt kế hoạch), Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 71% (đạt kế hoạch), trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 37,69% (vượt kế hoạch là 36,2%); Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị đạt thấp hơn 3% (đạt kế hoạch), Tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội đạt 45% (đạt kế hoạch), Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới) đạt 1,13 (vượt kế hoạch là 0,8%), Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 98% (đạt kế hoạch).

người có công với cách mạng đang quản lý³ và chi trả trợ cấp ưu đãi cho trên 21.000 người với tổng kinh phí trên 860 tỷ đồng/năm với tỷ lệ chi trả qua tài khoản cá nhân đạt 86,97%. Các chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát được triển khai mạnh mẽ, đạt 100% kế hoạch, góp phần cải thiện điều kiện sống của người thu nhập thấp và đối tượng chính sách⁴. Công tác phát triển nhà ở xã hội của tỉnh được triển khai tích cực, quan tâm bố trí quỹ đất, tạo dư địa cho việc phát triển nhà ở cho người thu nhập thấp và công nhân khu công nghiệp trong trung và dài hạn⁵.

Công tác bảo trợ xã hội được triển khai hiệu quả, đảm bảo hỗ trợ kịp thời cho các đối tượng yếu thế, đối tượng lưu trí xã hội⁶. Công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân được duy trì thường xuyên với hệ thống cơ sở y tế từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở được củng cố, phát huy hiệu quả trong quản lý và chăm sóc sức khỏe người dân⁷. Việc phòng, chống dịch bệnh được triển khai chủ động, giám sát liên tục để phát hiện sớm và xử lý kịp thời. Công tác an toàn vệ sinh thực phẩm được tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế duy trì ở mức cao, mạng lưới trạm y tế cơ sở tạo nền tảng quan trọng cho chăm sóc sức khỏe ban đầu⁸. Chuyển đổi số trong y tế được đẩy mạnh thông qua triển khai bệnh án điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, ứng dụng hồ sơ sức khỏe điện tử, giúp tăng tính minh bạch, thuận tiện và hiệu quả trong quản lý, cung cấp dịch vụ y tế⁹.

Công tác giáo dục được triển khai hiệu quả, ổn định, củng cố mạng lưới trường, lớp theo hướng tinh gọn, hiệu quả, sắp xếp phù hợp với điều kiện thực tiễn đáp ứng cơ bản nhu cầu học tập¹⁰. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học từng bước tăng cường, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện về giáo dục¹¹.

³ Trong đó: 1.729 người hoạt động cách mạng trước Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945; 688 Mẹ được phong tặng và truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” (hiện còn 13 Mẹ đang sống, đều được các cơ quan, đơn vị nhận chăm sóc, phụng dưỡng đến cuối đời); 12.912 liệt sĩ; 9 Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; 11.346 thương binh, bệnh binh và người hưởng chính sách như thương binh; 15.405 người hoạt động kháng chiến và con đẻ bị nhiễm chất độc hóa học; trên 111.297 người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc được tặng Huân chương, Huy chương kháng chiến và đã được hưởng chính sách ưu đãi một lần.

⁴ Tính đến ngày 08/8/2025, tỉnh đã thực hiện khởi công xây dựng và hỗ trợ 6.953/6.953 hộ, đạt 100% kế hoạch. Ngoài các đối tượng trong danh sách được phê duyệt, tỉnh đã hỗ trợ kinh phí xây dựng thêm 453 hộ thuộc đối tượng ngoài danh sách đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (7.407/6.953 hộ), đạt 106,5% kế hoạch.

⁵ Tỉnh Thái Nguyên đã xác định 59 vị trí quỹ đất nhà ở xã hội với quy mô diện tích đất là 176,9579ha, phù hợp với các quy hoạch đô thị và nông thôn được duyệt, có vị trí phù hợp phát triển nhà ở xã hội. Số lượng dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, đang triển khai thực hiện: 07 dự án với tổng số 4.488 căn. Các dự án đang thực hiện giao chủ đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư không thông qua đấu thầu: 08 dự án, tổng số 9.841 căn.

⁶ Tính đến ngày 11/9/2025, toàn tỉnh đã thực hiện chi trả trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng cho 65.176 người.

⁷ Công suất sử dụng giường bệnh bình quân toàn tỉnh đạt 98,5%, trong đó tuyến tỉnh đạt 105,69%; tuyến khu vực đạt 88,16%.

⁸ Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân đạt 95%, tỷ lệ trạm y tế xã/phường đạt chuẩn quốc gia về y tế 100%; tỷ lệ bác sĩ đạt 17,2 bác sĩ/10 nghìn dân, giường bệnh đạt 49 giường/10 nghìn dân – cao hơn mức bình quân chung của cả nước.

⁹ 100% bệnh viện công lập triển khai bệnh án điện tử, 36/36 bệnh viện áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt, hệ thống Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID được sử dụng rộng rãi với trên 5,4 triệu lượt tra cứu trong năm 2025.

¹⁰ Toàn tỉnh có 975 cơ sở giáo dục, trong đó 351 trường mầm non, 263 trường tiểu học, 287 trường THCS và 51 trường THPT; trong năm học 2024 - 2025 đã sáp nhập 22 trường thành 11, giảm 41 điểm trường lẻ.

¹¹ Tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 88,46%, trong đó khu vực Thái Nguyên cũ đạt 94,33%.

Việc xây dựng trường chuẩn quốc gia được đẩy mạnh, số lượng và tỷ lệ trường đạt chuẩn tiếp tục tăng¹². Công tác tuyển sinh, tổ chức các kỳ thi nghiêm túc, an toàn, đúng quy chế, bảo đảm quyền lợi của học sinh. Chính sách hỗ trợ đối với học sinh vùng khó khăn, học sinh dân tộc thiểu số được thực hiện đầy đủ, góp phần thu hẹp chênh lệch về cơ hội tiếp cận giáo dục¹³. Công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ được quan tâm thực hiện¹⁴. Đội ngũ nhà giáo được bổ sung, bố trí phù hợp yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới, trình độ chuyên môn và năng lực sư phạm tiếp tục nâng lên¹⁵. Giáo dục nghề nghiệp có bước phát triển, góp phần cung cấp nguồn nhân lực kỹ năng nghề cho thị trường lao động¹⁶.

Hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch trên địa bàn tỉnh được tổ chức phong phú, gắn với các sự kiện chính trị - xã hội lớn, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của Nhân dân. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được phát huy và mở rộng. Nhiều câu lạc bộ nghệ thuật trình diễn dân gian, văn hóa, nghệ thuật, thể thao được thành lập, góp phần tạo sân chơi lành mạnh cho cộng đồng, duy trì và lan tỏa các giá trị văn hóa truyền thống, thúc đẩy phong trào văn hóa, văn nghệ ở cơ sở ngày càng phát triển¹⁷. Hệ thống thiết chế thể thao cơ sở được quan tâm đầu tư, khai thác¹⁸; phong trào thể dục thể thao, đặc biệt là thể thao thành tích cao, đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận¹⁹. Công tác kiểm kê di tích, lập hồ sơ di sản văn hóa và bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích được triển khai thường xuyên, tích cực²⁰, góp phần gìn giữ và phát huy hiệu quả các giá trị di sản văn hóa của tỉnh²¹. Các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh cơ bản hoạt động đúng

¹² Toàn tỉnh có 740/952 trường đạt chuẩn (77,73%), dự kiến cuối năm 2025 đạt 79,9%.

¹³ Từ 01/7/2025, HĐND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành 05 chính sách hỗ trợ cho học sinh vùng khó khăn, dân tộc thiểu số: (1) quy định kinh phí hỗ trợ thực hiện việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; (2) quy định chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa đối với trẻ em nhà trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý; (3) quy định mức hỗ trợ tiền ăn cho học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý; (4) quy định các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí và hỗ trợ kinh phí đối với cơ sở giáo dục công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý; (5) quy định chính sách hỗ trợ đối với học sinh, giáo viên các trường trung học phổ thông chuyên thuộc tỉnh; học sinh tham gia đội tuyển, giáo viên của tỉnh và chuyên gia tham gia bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi các môn văn hóa, khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, khu vực quốc tế hoặc quốc tế.

¹⁴ 100% xã đạt chuẩn phổ cập mầm non 5 tuổi, phổ cập tiểu học mức độ 3 và phổ cập THCS mức độ 2.

¹⁵ Trong năm 2025, có 906 giáo viên trúng tuyển. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn đạt 98,21%, trong đó trên chuẩn 33,54%.

¹⁶ Đến nay, tỉnh có 44 cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trong đó có 12 trường cao đẳng (11 công lập), 09 trường trung cấp (02 công lập), 03 trung tâm GDNN (01 công lập); 15 Trung tâm GDNN-GDTX và 04 cơ sở khác. Trong năm 2025, có 4.360 học sinh tốt nghiệp cao đẳng, 13.480 tốt nghiệp trung cấp và 7.500 lao động nông thôn được đào tạo nghề.

¹⁷ Tính đến tháng 9/2025, toàn tỉnh có 987 Câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật, thể thao ở các xã, phường có Quyết định thành lập, có Ban chủ nhiệm với tổng số 27.735 hội viên.

¹⁸ 96 sân vận động, 65 nhà tập đa năng, 31 nhà tập đơn môn, 211 sân bóng đá mini, 1.867 sân bóng chuyền hơi và 125 bể bơi trên địa bàn

¹⁹ Tham gia thi đấu 54 giải thể thao quốc gia, quốc tế, kết quả đạt: 186 HCV, 211 HCB, 222 HCD (trong đó đạt 06 HCV, 07 HCB, 06 HCD tại giải Thế giới, Châu Á, Đông Nam Á). Đạt 05 cờ Nhất, 06 cờ Nhì, 02 cờ Ba toàn đoàn, đạt 126 lượt VĐV Kien tướng, 191 lượt VĐV cấp 1 quốc gia, có 29 VĐV tập trung đội tuyển quốc gia.

²⁰ Trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho chủ trương lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng 02 di tích quốc gia đặc biệt; chỉ đạo khai quật khảo cổ tại Di chỉ Mái đá Ngườm (xã Thần Sa), triển khai công tác lập hồ sơ công nhận Bảo vật quốc gia đối với các hiện vật được sưu tầm, khai quật tại di tích khảo cổ học Thần Sa.

²¹ Trên địa bàn tỉnh có 393 di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng trong đó có 03 di tích quốc gia đặc biệt; 67 di tích quốc gia và 322 di tích cấp tỉnh, 01 di sản văn hóa phi vật thể đại diện nhân loại, 45 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia.

tôn chỉ, mục đích, chủ động thông tin kịp thời công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và quảng bá hình ảnh tỉnh Thái Nguyên²². Hệ thống thông tin cơ sở duy trì, vận hành hiệu quả, bảo đảm thông tin thông suốt²³.

Hoạt động chuyển đổi số được triển khai đồng bộ trên các lĩnh vực quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công, thông tin - truyền thông, bưu chính - viễn thông. Hệ thống hạ tầng số, nền tảng chia sẻ, kết nối dữ liệu, ứng dụng phản ánh hiện trường, hội nghị trực tuyến được mở rộng, góp phần nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành của chính quyền. Mạng viễn thông, internet, đặc biệt là hạ tầng di động băng rộng, tiếp tục được đầu tư, phủ sóng tới hầu hết thôn, xóm, tạo nền tảng quan trọng để phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh²⁴.

1.2 Để đánh giá toàn diện về tình hình thực hiện nhiệm vụ lĩnh vực văn hoá - xã hội năm 2025, làm căn cứ đề đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận về các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp năm 2026, Ban Văn hoá - Xã hội đề nghị báo cáo, bổ sung làm rõ một số nội dung sau:

- Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện một số nhiệm vụ lĩnh vực văn hóa - xã hội trong năm 2025 để làm căn cứ xây dựng mục tiêu, giải pháp năm 2026. Cụ thể là: Tốc độ tăng dân số; tuổi thọ trung bình; chỉ số phát triển con người; số lao động có việc làm trong nền kinh tế - tỷ trọng lao động có việc làm trong nền kinh tế; năng suất lao động; tỷ lệ bác sỹ, giường bệnh/1 vạn dân.

- Theo báo cáo, kết quả rà soát tính đến ngày 20/11/2025, tổng số hộ nghèo là 19.118 hộ (chiếm tỷ lệ 4,52%); số hộ cận nghèo là 14.239 hộ (chiếm tỷ lệ 3,37%). Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh cao hơn so với bình quân chung của cả nước. Theo kế hoạch, mục tiêu đề ra hằng năm duy trì mức giảm tỷ lệ hộ nghèo (*theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030*) từ 1-1,5 điểm%. Đề nghị nghiên cứu có giải pháp cụ thể để nâng mức giảm nghèo, phấn đấu đạt mức bình quân chung của cả nước.

- Theo báo cáo, trên địa bàn một số xã đặc biệt khó khăn khu vực phía Bắc đến nay vẫn còn 15 thôn, bản chưa có sóng 3G/4G/5G và 76 thôn, bản chưa có hạ tầng cáp quang; 65 thôn, xóm, điểm dân cư với khoảng 1.607 hộ dân thuộc 17 xã trên địa bàn tỉnh chưa được sử dụng điện lưới quốc gia hoặc có điện nhưng chất lượng điện chưa đảm bảo. Đề nghị làm rõ các giải pháp và lộ trình để xây dựng hạ tầng điện, viễn thông phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân.

²² Trong 10 tháng đầu năm, các đơn vị đã biên tập 156 tin, bài viết, 830 ảnh và 92 video clip quảng bá về du lịch Thái Nguyên đăng tải lên Cổng du lịch thông minh, Website Du lịch Thái Nguyên và các kênh quảng bá trên nền tảng mạng xã hội của đơn vị, thu hút được trên 5.742.409 lượt truy cập, xem bài viết (Website du lịch Thái Nguyên đã thu hút trên 2.315.000 lượt truy cập, Cổng du lịch thông minh thu hút trên 1.279.000 lượt truy cập; Zalo official account đã thu hút được trên 73.500 lượt xem bài viết; Youtube, tiktok, thu hút 591.000 lượt xem; Fanpage facebook thu hút được trên 1.483.090 lượt xem bài viết).

²³ 06 xã thuộc huyện Võ Nhai lắp đặt 39 cụm loa truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông, qua đó đến nay 100% số xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đã có hệ thống đài truyền thanh hoạt động

²⁴ Sản lượng năm 2025 ước đạt 29 triệu bưu gửi, doanh thu 520 tỷ đồng; hạ tầng viễn thông được mở rộng, đã phủ sóng thêm 40/55 thôn bản, nâng tỷ lệ phủ sóng di động lên 99,5% thôn, xóm, có 5.884 trạm BTS, trong đó 156 trạm 5G đang hoạt động.

- Theo báo cáo, số nợ chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN tính lũy ước đến hết năm 2025 là 88 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 1,0% kế hoạch thu), thấp hơn chỉ tiêu BHXH Việt Nam giao (chỉ tiêu giao là 1,09%). Một số doanh nghiệp chậm đóng, trốn đóng, nợ kéo dài, chưa tham gia đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động. Đề nghị làm rõ thực trạng và các giải pháp để hạn chế tình trạng này.

- Trong lĩnh vực y tế, đề nghị bổ sung báo cáo về diễn biến tình hình dịch bệnh phát sinh sau cơn bão MATMO; công tác kiểm soát vệ sinh môi trường, chất lượng nguồn nước; việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ về đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

- Báo cáo thực trạng, lộ trình và các giải pháp để thực hiện mục tiêu đến năm 2030 phân đầu 100% xã đặc biệt khó khăn có trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc bán trú; 100% phòng học kiên cố ở các cấp học. Đồng thời, báo cáo kết quả rà soát và thực hiện thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho giáo viên theo Công văn số 7723/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 25/11/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Báo cáo tình hình vi phạm pháp luật trên không gian mạng trên địa bàn tỉnh; số vụ việc đã được phát hiện, xử lý và hình thức xử lý. Các giải pháp, kế hoạch của tỉnh trong thời gian tới nhằm giảm thiểu các vụ việc vi phạm trên không gian mạng.

1.3 Về nhiệm vụ, giải pháp phát triển văn hoá - xã hội năm 2026, Ban đề nghị quan tâm một số nội dung sau:

- Tiếp tục rà soát, xây dựng và ban hành các chính sách phù hợp sau khi thực hiện sắp xếp 02 tỉnh, đặc biệt là các chính sách liên quan đến giảm nghèo, an sinh xã hội, giáo dục, y tế, bảo đảm kịp thời, thống nhất, đồng bộ góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Nghiên cứu bổ sung nhiệm vụ tăng cường công tác chỉ đạo, nâng cao trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác tôn giáo trên địa bàn tỉnh; nắm bắt thường xuyên mọi thông tin, tình hình liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo để có giải pháp kịp thời ngăn chặn các hoạt động gây mất an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng các chương trình nâng cao năng lực số, kỹ năng sử dụng internet an toàn cho người dân, đặc biệt là học sinh, sinh viên, người lao động; đồng thời, tăng cường truyền thông, giáo dục để hình thành văn hoá ứng xử văn minh trên không gian mạng.

- Sớm ban hành quy định về phân cấp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nhằm làm rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, tạo cơ sở pháp lý thống nhất trong công tác quản lý nhà nước.

- Thường xuyên rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các chỉ đạo của cơ quan Trung ương trong lĩnh vực văn hoá - xã hội để nghiên cứu, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết để triển khai thực hiện, đảm bảo kịp thời, hiệu quả, sát với tình hình thực tế của tỉnh.

2. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Thái Nguyên

Ban nhất trí với 17 chỉ tiêu về lĩnh vực văn hóa - xã hội giai đoạn 2026 - 2030, các chỉ tiêu được xây dựng phù hợp với kết quả đạt được giai đoạn 2021 - 2025, thực tiễn phát triển và bám sát Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 23/9/2025 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I nhiệm kỳ 2025 - 2030. Ban đề nghị quan tâm một số giải pháp sau:

- Về lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch: Triển khai các nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược phát triển văn hóa theo Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030, nhằm tăng cường quảng bá hình ảnh Thái Nguyên. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm để bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa và phát triển mạng lưới thiết chế văn hóa, thể thao, chú trọng ở cấp cơ sở. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp xây dựng môi trường văn hóa, nếp sống văn hóa; giáo dục đạo đức, lối sống. Đẩy mạnh chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật; hình thành các chuỗi dịch vụ văn hóa chất lượng cao phục vụ người dân và du khách. Phát triển các mô hình văn hóa gắn với kinh tế đêm như phố đi bộ, chợ đêm; tổ chức các lễ hội nghệ thuật, trình diễn đường phố để thúc đẩy thương mại dịch vụ và kích cầu du lịch. Xây dựng các sản phẩm đặc trưng, chất lượng cao gắn với thương hiệu “Xứ trà” và “Thủ đô kháng chiến”.

- Về lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Phát triển đội ngũ nhà giáo bảo đảm đủ về số lượng, mạnh về chất lượng; đầu tư cơ sở vật chất, trường lớp đạt chuẩn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Thực hiện chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo. Tăng cường giáo dục kỹ năng số, kỹ năng an toàn thông tin nhằm thích ứng với sự phát triển nhanh của kinh tế số và xã hội số. Phát triển các mô hình thư viện thông minh, trung tâm học tập cộng đồng hiện đại tại các phường, xã để thúc đẩy phong trào học tập trong Nhân dân.

- Về lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân: Thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực y tế, sắp xếp hệ thống y tế tinh gọn, hiệu quả. Đồng thời, tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực hệ thống y tế cơ sở, bảo đảm trang thiết bị, nhân lực và kỹ thuật cần thiết để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu của người dân. Tiếp tục phát triển mạng lưới các cơ sở chăm sóc người cao tuổi.

3. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết quy định về chế độ nhuận bút, thù lao đối với các sản phẩm truyền thông của cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

3.1. Sự cần thiết ban hành văn bản; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của văn bản: Căn cứ Chỉ thị số 07-CT/TW ngày 05/9/2016 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác thông tin cơ sở trong tình hình mới; Nghị định số 49/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin cơ sở, việc xây dựng Nghị quyết quy định về chế độ nhuận bút, thù lao đối với các sản phẩm truyền thông của cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là cần thiết và phù hợp.

3.2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

3.3. Tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo văn bản: Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; khoản 3 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; khoản 4 Điều 37 Nghị định số 49/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin cơ sở, đảm bảo thống nhất với hệ thống pháp luật.

3.4. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

3.4.1 Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày phù hợp với Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/7/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

3.4.2 Về dự thảo Nghị quyết: Ban cơ bản nhất trí với nội dung và mức chi của dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, Ban đề nghị:

- Về căn cứ: Đề nghị bổ sung Luật Báo chí số 103/2016/QH13; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15. Lược bỏ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ.

- Tại Điều 2: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định cụ thể về các sản phẩm truyền thông cấp xã thuộc diện được chi trả nhuận bút, thù lao để phù hợp với nội dung dự thảo Nghị quyết.

- Tại khoản 2, khoản 4 Điều 6 quy định về nhuận bút đối với bản tin thông tin cơ sở, trang thông tin điện tử, bảng tin công cộng cấp xã, tài liệu không kinh doanh: Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7; khoản 1 Điều 9 Nghị định số 49/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách

nhiệm chi trả nhuận bút, thù lao đối với sản phẩm truyền thông là các chương trình phát thanh do đài truyền thanh cấp xã tự sản xuất và phát các thông báo của cấp ủy, chính quyền địa phương. Do vậy, đề nghị nghiên cứu, lược bỏ quy định mức nhuận bút đối với ảnh, đồ họa thông tin (Infographic, Banner...), bài, video clip đăng trên bản tin thông tin cơ sở, trang thông tin điện tử, bảng tin công cộng cấp xã; lược bỏ quy định về nhuận bút đối với tài liệu không kinh doanh. Đồng thời, điều chỉnh tương ứng cho phù hợp tại Điều 3, Điều 4.

- Điều 5 về nguyên tắc chi trả nhuận bút, thù lao: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định về thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc quyết định mức chi thù lao cho người tham gia thực hiện các công việc có liên quan đến sản phẩm truyền thông cấp xã.

3.5. Nội dung đề nghị UBND tỉnh

- Rà soát và sớm ban hành văn bản quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản cấp tỉnh nhằm bảo đảm sự thống nhất và phù hợp sau khi sáp nhập 2 tỉnh.

- Báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu đến năm 2025, có 100% xã, phường, thị trấn có hệ thống truyền thanh hoạt động đến thôn, bản, tổ dân phố, khu dân cư; 70% - 100% chuyển đổi đài truyền thanh có dây/không dây FM sang truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông theo Quyết định số 184/QĐ-BTTTT ngày 20/02/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành Kế hoạch hành động năm 2024 triển khai thực hiện Chiến lược phát triển lĩnh vực thông tin cơ sở giai đoạn 2021 - 2025.

4. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nội dung và mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và học sinh năng khiếu thể dục thể thao tỉnh Thái Nguyên

4.1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết; phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng của văn bản: Căn cứ Kết luận số 70-KL/TW ngày 31/12/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới, Quyết định số 1189/QĐ-TTg ngày 15/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, việc xây dựng Nghị quyết quy định nội dung và mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và học sinh năng khiếu thể dục thể thao tỉnh Thái Nguyên là cần thiết và phù hợp.

4.2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Nội dung dự thảo Nghị quyết đã phù hợp chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

4.3. *Tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo văn bản:* Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025; khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; khoản 2 Điều 6 Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao, đảm bảo thống nhất với hệ thống pháp luật.

4.4. *Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản:*

4.4.1. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày phù hợp với Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/7/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

4.4.2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết: Về cơ bản, Ban thống nhất với nội dung và mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng quy định trong dự thảo Nghị quyết. Cơ bản các mức chi bằng với mức chi của tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập). Ban đề nghị:

- Về căn cứ: Đề nghị bổ sung Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006/QH11; Luật số 26/2018/QH14 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

- Quy định ban hành kèm theo dự thảo Nghị quyết:

- + Tại khoản 2, Điều 1: Đề nghị nghiên cứu để bổ sung thêm các đối tượng áp dụng sau: “*d) Đội tuyển thể thao cơ quan, đơn vị: Huấn luyện viên, vận động viên trong thành phần đội tuyển thể thao cơ quan, đơn vị tham gia thi đấu các giải thể thao cấp tỉnh.*”

- đ) *Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan”.*

- + Đề nghị điều chỉnh các cụm từ “*mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng*” thành “*mức ăn hằng ngày*” tại điểm b, điểm c khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 2 để phù hợp với quy định tại Điều 3 Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- + Tại khoản 3 Điều 2: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung thêm quy định đối với mức ăn hàng ngày của huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển thể thao các cơ quan, đơn vị trong thời gian tập trung tập huấn, tập trung thi đấu để tham gia các giải thể thao cấp tỉnh.

+ Tại điểm b khoản 3 Điều 2: Đề nghị làm rõ căn cứ để quy định “*Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định mức chi phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương*” đối với mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng của huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển thể thao cấp xã tập trung tập huấn, tập trung thi đấu. Đề nghị nghiên cứu kỹ lưỡng để quy định đảm bảo theo đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các Câu lạc bộ nghệ thuật trình diễn dân gian; Câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật, thể thao xã, phường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2026 - 2030

5.1. Sự cần thiết ban hành văn bản; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của văn bản: Căn cứ Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Kế hoạch số 06-KH/TU ngày 29/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 156-KL/TW ngày 21/5/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, việc xây dựng Nghị quyết quy định mức hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các Câu lạc bộ nghệ thuật trình diễn dân gian; Câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật, thể thao xã, phường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2026 - 2030 là cần thiết và phù hợp.

5.2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Nội dung dự thảo Nghị quyết đã phù hợp chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

5.3 Tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo văn bản: Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025; khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, đảm bảo thống nhất với hệ thống pháp luật.

5.4. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản:

5.4.1. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày phù hợp với Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/7/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

5.4.2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết:

- Về tên dự thảo Nghị quyết: Để phù hợp với nội dung dự thảo Nghị quyết, đề nghị nghiên cứu quy định như sau: “*Nghị quyết quy định **nội dung và mức hỗ trợ** cho các Câu lạc bộ nghệ thuật trình diễn dân gian; Câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật, thể thao xã, phường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2026 - 2030*”.

- Về mức hỗ trợ, điều kiện hỗ trợ:

+ Tại khoản 1, khoản 2 Điều 2: Để thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện, đề nghị quy định như sau: “*Hỗ trợ...cho xã, phường có Câu lạc bộ nghệ thuật trình diễn dân gian **hoặc** Câu lạc bộ văn hoá, nghệ thuật, thể thao đủ điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều này...*”. Đồng thời, bổ sung thêm điều kiện hỗ trợ vào khoản 2 Điều 2.

+ Tại khoản 3 Điều 2 về điều kiện được hưởng hỗ trợ: Đề nghị nghiên cứu, quy định như sau: “*Câu lạc bộ nghệ thuật trình diễn dân gian (có loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian đã được UNESCO ghi vào danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại hoặc được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia) được UBND xã, phường quyết định thành lập theo quy định...*”

+ Đối với điều kiện được hưởng hỗ trợ của các Câu lạc bộ nghệ thuật trình diễn dân gian là phải có ít nhất 01 nghệ nhân Ưu tú hoặc nghệ nhân Nhân dân là thành viên câu lạc bộ. Để đảm bảo tính khả thi và thuận lợi trong quá trình thực hiện, đề nghị làm rõ số lượng nghệ nhân Ưu tú, nghệ nhân Nhân dân đã được công nhận trên địa bàn tỉnh và các giải pháp trong thời gian tới.

5.5. Nội dung đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh

- Theo quy định của dự thảo nghị quyết, mỗi xã, phường lựa chọn 01 câu lạc bộ trình diễn dân gian hoặc câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật, thể thao tiêu biểu để thực hiện hỗ trợ kinh phí mua sắm trang thiết bị cơ bản và duy trì hoạt động hằng năm. Để đảm bảo thống nhất, chặt chẽ, thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện, đề nghị làm rõ phương thức, điều kiện để lựa chọn câu lạc bộ tiêu biểu tại các xã, phường có nhiều câu lạc bộ.

- Theo báo cáo, dự kiến tổng kinh phí để thực hiện Nghị quyết trong giai đoạn 2026 - 2023 là 39,9 tỷ đồng. Đề nghị báo cáo khả năng cân đối ngân sách của tỉnh để triển khai thực hiện Nghị quyết.

- Tiếp tục quan tâm, chú trọng phát huy khả năng diễn xướng và những giá trị văn hoá truyền thống đặc trưng của các Câu lạc bộ nghệ thuật trình diễn dân gian; đồng thời khuyến khích hoạt động của các Câu lạc bộ văn hoá, nghệ thuật, thể thao gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đặc biệt là thúc đẩy phát triển kinh tế du lịch.

- Sau khi nghị quyết được ban hành, đề nghị UBND tỉnh sớm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn ban hành hướng dẫn cụ thể, trong đó quy định về tiêu chí, phương thức, điều kiện hỗ trợ để đảm bảo Nghị quyết được triển khai đầy đủ, chặt chẽ, công khai, minh bạch, đúng đối tượng và hiệu quả.

6. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ cho người được phân công trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục tại xã, phường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

6.1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết; phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng của văn bản: Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn; Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ và Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, việc xây dựng Nghị quyết quy định mức hỗ trợ cho người được phân công trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục tại xã, phường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là cần thiết và phù hợp.

6.2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Nội dung dự thảo Nghị quyết đã phù hợp chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

6.3. Tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo văn bản: Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025; khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; khoản 7 Điều 4 Thông tư số 82/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đảm bảo thống nhất với hệ thống pháp luật.

6.4. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản:

6.4.1. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày phù hợp với Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/7/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ

quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

6.4.2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết: Ban cơ bản nhất trí với nội dung và mức hỗ trợ của dự thảo Nghị quyết. Ban đề nghị nghiên cứu, bổ sung một số nội dung sau:

- Về thời gian được hưởng hỗ trợ: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung “...*người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở bảo trợ xã hội*” để phù hợp với khoản 2 Điều 29 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ.

- Về tổ chức thực hiện: Đề nghị bổ sung quy định “*Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế*”.

6.5. Nội dung đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh: Đề nghị làm rõ về nguồn kinh phí, khả năng bố trí kinh phí của ngân sách cấp xã, nhất là đối với các xã khó khăn, xã trọng điểm về an ninh trật tự.

7. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên

7.1. Sự cần thiết ban hành văn bản; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của văn bản: Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, việc ban hành Nghị quyết quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên là cần thiết và phù hợp.

7.2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Nội dung dự thảo Nghị quyết đã phù hợp chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

7.3 Tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo văn bản: Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025; khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; khoản 1 Điều 37 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức; khoản 3 Điều 8 Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày

28/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.

7.4. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản:

7.4.1. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày phù hợp với Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/7/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

7.4.2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết: Ban cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết. Ban đề nghị nghiên cứu, bổ sung một số nội dung sau vào Quy định ban hành kèm theo dự thảo Nghị quyết:

- Khoản 2 Điều 1 về đối tượng áp dụng: Đề nghị bổ sung “*Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan*”.

- Tại điểm a khoản 1 Điều 3 về nội dung và mức chi bồi dưỡng công chức trong nước

- + Đề nghị làm rõ lý do bổ sung đối tượng “*Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Trung ương (không là Ủy viên Trung ương Đảng)*”. Đồng thời, rà soát đề bổ sung thêm một số đối tượng có chức danh tương đương khác để đảm bảo đầy đủ, thống nhất.

- + Đề nghị bổ sung thêm đối tượng là *Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã* vào các nhóm đối tượng là giảng viên, báo cáo viên tương ứng (*nhóm Bí thư Đảng ủy cấp xã, Phó Bí thư Đảng ủy cấp xã, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND cấp xã...*).

- Tại Điều 6 về tổ chức thực hiện:

- + Đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm quy định sau: “*Các cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đối với đối tượng cán bộ; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định của cấp có thẩm quyền được áp dụng quy định tại Nghị quyết này*” để đảm bảo đầy đủ đối tượng và phù hợp với quy định tại Điều 7 Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- + Tại khoản 2 Điều 6, đề nghị quy định viện dẫn cụ thể để phù hợp với khoản 38 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.

8. Báo cáo, Tờ trình, dự thảo Nghị quyết về kết quả giám sát việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ bảy và các ý kiến, kiến nghị tại Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV

8.1 Tính hợp hiến, hợp pháp: Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 74 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015.

8.2 Về dự thảo Nghị quyết: Ban nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình tại kỳ họp.

III. CÁC NỘI DUNG PHỐI HỢP THẨM TRA

Đối với 17 Tờ trình, dự thảo Nghị quyết được phân công phối hợp thẩm tra với các Ban của HĐND tỉnh, Ban Văn hoá - Xã hội đã có ý kiến bằng văn bản gửi đến các Ban chủ trì thẩm tra theo quy định.

Trên đây là Báo cáo thẩm tra đối với các báo cáo, tờ trình, dự thảo Nghị quyết trình tại Kỳ họp thứ chín (Kỳ họp thường lệ cuối năm 2025), HĐND tỉnh Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026. Ban Văn hoá - Xã hội trình HĐND tỉnh xem xét, thảo luận và quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (Báo cáo);
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu dự Kỳ họp;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng CTHĐND;
- Lưu; VT, CV VHXH.

**TM. BAN VĂN HOÁ - XÃ HỘI
TRƯỞNG BAN**

Phạm Thị Thu Thủy